

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & XD
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

==&==

Số: 64 / CV-LHC

"V/v Giải trình chênh lệch 10%

LNST so với cùng kỳ năm 2010"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

==&==

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 04 năm 2011

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng xin giải trình chênh lệch giảm 37% LNST quý 1 năm 2011 so với cùng kỳ năm 2010:

1. Quý 1 năm 2010 lợi nhuận từ đầu tư cổ phiếu là **2.044.324.679 đồng**, quý 1 năm 2011 không có lợi nhuận từ đầu tư cổ phiếu.
2. Chi phí tài chính Quý 1 năm 2011 tăng so với cùng kỳ năm 2010 là **2.534.522.760 đồng** (do lãi vay tăng **387.510.160 đồng** và trích lập dự phòng đầu tư tài chính **2.147.012.600 đồng**).

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & XD THỦY LỢI
LÂM ĐỒNG
GIÁM ĐỐC**



Lê Đình Hiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & XD
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

=&=

Số: 62 / CBTT-LHC

"V/v Công bố thông tin Báo
Cáo tài chính quý 1 năm 2011"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

=&=

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 04 năm 2011

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng**
2. Mã chứng khoán: **LHC**
3. Địa chỉ trụ sở chính: **Số 68 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng**
4. Điện thoại: **063 3821854** Fax: **063 3832542**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Hầu Văn Tuấn**
6. Nội dung của thông tin công bố:
Báo cáo tài chính quý 1 năm 2011 của CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng được lập ngày 22/04/2011, bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC và văn bản số: 61/CV-LHC ngày 22/04/2011 giải trình chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm 2010.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.LHC.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Hầu Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
Giấy chứng nhận ĐKKD số 059247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng
cấp lần 7 ngày 22/02/2008

Trụ sở chính: Số 68 Hai Bà Trưng, phường 6, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Điện thoại: 063.3821854 Fax: 063.3832542 Email: xdthuyloiid@vnn.vn

Số: 02-2011/NQ/HĐQT

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH QUÝ 1
NĂM 2011

- Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.
- Căn cứ Biên bản tại phiên họp thường kỳ Hội đồng quản trị ngày 22/04/2011.

NGHỊ QUYẾT

Hội đồng quản trị thống nhất phê duyệt báo cáo quyết toán tài chính Quý 1 năm 2011 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- 1) Tổng doanh thu thuần Quý 1 năm 2011: **40.360.033.983 đồng**, tăng **23,7%** so với cùng kỳ năm 2010 và đạt **26,9%** kế hoạch năm 2011.
- 2) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế Quý 1 năm 2011: **5.119.951.818 đồng**, giảm **38,7%** so với cùng kỳ năm 2010 và đạt **25,6%** kế hoạch năm 2011.
- 3) Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 1 năm 2011: **3.953.627.264 đồng**, giảm **37%** so với cùng kỳ năm 2010 và đạt **26,4%** kế hoạch năm 2011.
- 4) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) Quý 1 năm 2011: **1.977 đồng**

Đà Lạt, ngày 22 tháng 04 năm 2011

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Đình Hiến

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**



BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY
DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
(LHC)**

Nơi gửi:.....

THÁNG 04 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		92.880.754.535	85.257.102.468
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1	2.820.055.001	4.762.002.627
1. Tiền	111		2.820.055.001	4.762.002.627
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn(*)</i>	120	5.2	8.250.000.000	3.200.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.515.448.000	3.515.448.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(1.265.448.000)	(315.448.000)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5.3	67.019.004.415	63.092.599.455
1. Phải thu của khách hàng	131	5.3.1	54.776.580.260	51.220.316.936
2. Trả trước cho người bán	132	5.3.2	1.336.405.555	835.062.519
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3.3	10.906.018.600	11.037.220.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.4	11.308.639.000	12.298.639.000
1. Hàng tồn kho	141		11.308.639.000	12.298.639.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	5.5	3.483.056.119	1.903.861.386
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Các khoản thuế GTGT còn được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	5.5.1	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5.2	3.483.056.119	1.903.861.386

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.155.545.773	42.379.101.491
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>27.414.974.871</i>	<i>29.586.087.989</i>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	25.214.974.871	27.386.087.989
- Nguyên giá	222		56.607.320.125	57.108.367.744
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.392.345.253)	(29.722.279.754)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	2.200.000.000	2.200.000.000
- Nguyên giá	228		2.200.000.000	2.200.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>5.8</i>	<i>11.740.570.902</i>	<i>12.793.013.502</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		14.020.594.902	13.876.024.902
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(2.280.024.000)	(1.083.011.400)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		132.036.300.311	127.636.203.959

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		65.678.164.081	65.231.694.393
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		59.098.004.581	57.962.234.893
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	8.005.353.000	9.986.636.400
2. Phải trả người bán	312	5.10.1	19.800.860.465	16.883.015.300
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10.2	22.356.068.026	22.682.105.750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	4.305.883.738	4.455.892.822
5. Phải trả người lao động	315		678.000.000	
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	2.061.138.451	2.021.152.023
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.642.066.475	1.663.457.475
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		248.634.426	269.975.123
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		6.580.159.500	7.269.459.500
1. Phải trả dài hạn cho người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	6.446.320.500	7.091.320.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		133.839.000	178.139.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.358.136.830	62.404.509.566
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		66.358.136.830	62.404.509.566
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.14.1	20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.14.1	12.447.352.500	12.447.352.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	5.14.1		
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.14.2	16.500.000.000	16.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.14.2	2.000.000.000	2.000.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.14.3	15.410.784.330	11.457.157.066
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.14.2		
1. Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		132.036.300.311	127.636.203.959
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư hàng hoá giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, ký gửi, ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Dự toán chi hoạt động	006		-	-

Lập biểu



Nguyễn Ngọc Dũng

Kế toán Trưởng



Hầu Văn Tuấn

Dalat, ngày 22 tháng 04 năm 2011

Giám đốc



Lê Đình Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cho năm Tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
1. Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	01	6.1	40.360.033.983	32.622.206.983		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
- Giảm giá hàng bán						
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-02)	10		40.360.033.983	32.622.206.983		
4. Giá vốn hàng bán	11		31.479.825.727	24.491.452.540		
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV (20=10-11)	20		8.880.208.256	8.130.754.443		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	564.331.847	2.394.901.132		
7. Chi phí tài chính	22		2.612.238.979	77.716.219		
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		465.226.379	77.716.219		
8. Chi phí bán hàng	24		-	-		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.3	1.894.157.488	2.088.920.756		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+21-22-24-25)	30		4.938.133.636	8.359.016.600		
11. Thu nhập khác	31		181.818.182			
12. Chi phí khác	32					
13. Lợi nhuận khác	40		181.818.182			

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý này năm này	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm này)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		5.119.951.818	8.359.018.600		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.166.324.554	2.072.879.650		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-			
17. Lợi nhuận sau thuế	60	6.4	3.953.627.264	6.286.138.950		
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.977	3.143		

Lập biểu

Nguyễn Ngọc Dũng

Kế toán Trưởng

Hữu Văn Tuấn

Đã lợi nhuận 27 tháng 04 năm 2011



Lê Đình Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.953.627.264	20.244.918.021
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.289.113.118	9.735.898.506
Các khoản dự phòng	03		2.125.621.600	1.398.459.400
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(222.328.247)	(2.508.928.718)
Chi phí lãi vay	06		465.226.379	1.386.777.878
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		8.611.260.114	30.257.125.087
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.028.621.667)	(20.693.065.905)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		990.000.000	(9.773.194.052)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.532.635.656	10.381.446.039
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	-
Tiền lãi vay đã trả	13		(465.226.379)	(1.386.777.878)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(795.829.500)	6.901.843.117
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(65.640.697)	(133.775.460)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		6.724.577.527	(19.012.977.364)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(118.000.000)	(3.930.414.897)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	(64.284.480.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	69.473.902.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77.758.247	2.106.077.202
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.040.241.753)	3.365.084.305

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.005.353.000	35.610.481.888
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.631.636.400)	(27.558.845.488)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(11.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.626.283.400)	(2.948.363.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(1.941.947.626)	(18.596.256.659)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.762.002.627	23.358.259.286
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	2.820.055.001	4.762.002.627

KÊ TOÁN TRƯỞNG



HÀU VĂN TUÂN

Đà Lạt, ngày 22 tháng 04 năm 2011



LÊ ĐÌNH HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 22 tháng 02 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Chủ yếu thi công các công trình thủy lợi, giao thông, xây dựng dân dụng công nghiệp, cấp thoát nước.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Thi công các công trình thủy lợi, giao thông, xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước.
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại.
- Khai thác chế biến khoáng sản.
- Khách sạn

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chỉ khác.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và cộng nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu vật liệu và công cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	04 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 07 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng được tính bằng 2% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

-Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế :Theo Nghị quyết hội đồng cổ đông thường niên.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành đo nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong ký. Phần công việc hoàn thành được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.10. Lương

Theo nghị quyết của Đại hội cổ đông, hệ số để tính quỹ lương Quý 1 Năm 2011 của bộ phận gián tiếp là 3% trên doanh thu.

Lương bộ phận trực tiếp được tính theo Đơn giá tiền lương sản phẩm theo định mức nội bộ của Công ty

4.11. Số liệu so sánh :

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của quý này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	481 788 346	3 171 503 360
Tiền gửi ngân hàng	2 338 266 655	1 590 499 267
Tổng cộng	<u>2 820 055 001</u>	<u>4 762 002 627</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là khoản đầu tư vào cổ phiếu :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Cổ phiếu ngắn hạn:	<u>3.515.448.000</u>	<u>3.515.448.000</u>
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn:	3.515.448.000	3.515.448.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng BIDV	6.000.000.000	
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn :	(1.265.448.000)	(315.448.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn:	8.250.000.000	3.200.000.000

-Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư:

Các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Chứng khoán Sài gòn(SS1)	<u>100.000CP</u>	<u>3.515.448.000</u>	<u>100.000CP</u>	<u>3.515.448.000</u>

Cộng 100.000CP 3.515.448.000 100.000CP 3.515.448.000

-Trích lập dự phòng: 1.265.448.000đ

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	54.776.580.260	51.220.316.936
Trả trước cho người bán	1.336.405.555	835.062.519
Các khoản phải thu khác	10.906.018.600	11.037.220.000
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	67.019.004.415	63.092.599.455
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	67.019.004.415	63.092.599.455

Các khoản phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của công ty.

Các khoản phải thu khác là khoản cho vay mượn, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức LBM (Cty CP KS VLXD Lâm đồng)	342.003.600	
Khoản cho cá nhân vay	504.004.000	977.220.000
Khoản cho tổ chức vay	10.060.000.000	10.060.000.000
Cộng	10.906.004.600	11.037.220.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.639.000	8.639.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.300.000.000	12.290.000.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	11.308.639.000	12.298.639.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	11.308.639.000	12.298.639.000

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hồ chứa nước Phát chi Dalat	0	100.000.000
Hệ thống kênh mương Phước Cát 1 Cát tiên	50.000.000	
Kênh phan Rĩ – Phan thiết Bình thuận	1.200.000.000	690.000.000
Hồ chứa nước Sông Dinh 3 Bình Thuận	3.300.000.000	3.300.000.000
Kênh và công trình trên Kênh – Phước Hòa	3.200.000.000	2.400.000.000
Hồ chứa nước Thôn 5 Đạt tềh	0	1.200.000.000
Dự án Thủy lợi Phước hòa Gói 1C	0	180.000.000
Kênh chính Sông Ray Gói 44	1.400.000.000	60.000.000
Kênh Xuyên mộc (Gói 52) Bà Rịa Vũng tàu	0	3.800.000.000
Hồ NT6 Phước Long Bình Phước	0	160.000.000
Hồ chứa nước Phan Dũng Bình thuận	630.000.000	
Công trình Lộc Thạnh Bình Phước	870.000.000	
Dự án Thủy lợi Phước hòa Gói 1A (Kênh)	250.000.000	
Kênh N1 Tuyền lâm Quảng Hiệp (gói 1)	400.000.000	400.000.000
Tổng cộng	11.300.000.000	12.290.000.000

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng của nhân viên văn phòng, công nhân và Trưởng ban chỉ huy các Công trình xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Machinery thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	ĐVT: 1.000.000đ	
				Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.569	51.069	4.051	419	57.108
Mua trong năm	-	-	-	118	118
Thanh lý, nhượng bán	-	619	-	-	619
Số dư cuối cuối năm	1.569	50.450	4.051	537	56.607
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu đầu năm	678	26.589	2.219	236	29.722
Khấu hao trong năm	19	2.127	112	31	2.289
Thanh lý, nhượng bán	-	619	-	-	619
Số dư cuối cuối năm	697	28.097	2.331	267	31.392
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	892	24.480	1.831	183	27.386
Tại ngày cuối năm	872	22.354	1.719	270	25.215

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	ĐVT: Đồng	
	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
		Số đầu năm
QSD đất Kho Định An - Đức Trọng	1.134m ²	200.000.000
QSD đất Nhà nghỉ Đa Tịch	659m ²	200.000.000
QSD đất số 68 Hai Bà Trưng-Đà Lạt	271,85m ²	1.800.000.000
Cộng		2.200.000.000

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác:	14.020.594.902	13.876.024.902
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:	2.280.024.000	1.083.011.400
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn :	11.740.570.902	12.793.013.502

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Trái phiếu D/nghiệp HEC 2 :	30.000 TP	3.000.000.000đ	30.000TP	3.000.000.000đ
Cổ Phiếu LBM :	570.006CP	7.695.081.000đ	570.006CP	7.695.081.000đ
Cổ Phiếu VDL :	175.090CP	3.325.513.902 đ	120.475CP	3.180.943.902đ
Cộng		14.020.594.902		13.876.024.902đ

-Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư:

-Nhận cổ phiếu thưởng VDL : + Số lượng : 40.158CP + Giá trị : 0đ

-Nhận cổ tức bằng Cổ phiếu VDL: + Số lượng : 14.457CP + Giá trị : 144.570.000

Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	19.800.860.465	16.883.015.300
Người mua trả tiền trước	22.356.068.026	22.682.105.750
Tổng cộng	42.156.928.491	39.565.121.050

Các khoản phải trả người bán là khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của công ty.

5.9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.844.761.579	2.130.113.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.345.025.019	1.974.529.965
Thuế tài nguyên	0	24.488.880
Thuế thu nhập cá nhân	116.097.140	312.264.312
Các khoản phí, lệ phí		14.496.050
Tổng cộng	4.305.883.738	4.455.892.822

5.10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	480.383.027	388.196.602
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.580.755.424	1.632.955.424
Tổng cộng	2.061.138.451	2.021.152.026

Các khoản phải trả khác bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thu tiền đặt cọc bán tài sản	320.000.000	320.000.000
Vay mượn cá nhân tạm thời	516.790.000	526.790.000
Tiền ký quỹ thẻ chân lái xe	130.000.000	130.000.000
Phải trả vốn Nhà nước	50.750.000	50.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thu tiền bảo lãnh gói thầu Hồ chứa nước thôn 5 Dạtêh	450.000.000	450.000.000
Thu tiền cấp chứng chỉ nghề CNV	850.000	43.050.000
Thu hồi nhiên liệu 2010	52.365.424	52.365.424
Thu tiền thuế cõtĩa công trình	60.000.000	60.000.000
Tổng cộng	1.580.755.424	1.632.955.424

5.11. Vay và nợ dài hạn

Vay và nợ dài hạn là khoản vay ngân hàng theo hợp đồng vay số 01/2009/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2009 với số tiền vay là 12 tỷ, thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm, lãi suất kỳ đầu tiên 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị tài sản thế chấp là 12.766.861.141 đồng.

5.12. Vốn chủ sở hữu

5.12.1 Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	20.000.000.000	12.447.352.500	18.500.000.000	11.457.157.066	62.404.509.566
Lợi nhuận trong quý				<u>3.953.627.264</u>	<u>3.953.627.264</u>
Số dư cuối quý	20.000.000.000	12.447.352.500	18.500.000.000	15.410.784.330	66.358.136.830

5.12.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp của cổ đông	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>
Cộng	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>

5.12.2 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trên cổ phần phổ thông sau ngày kết thúc năm tài chính:		10.000.000.000

5.12.3 Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.000.000	2.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.12.4 Lãi cơ bản trên cổ phần

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	3.953.627.264	6.286.138.950
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.977	3.143

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	40.354.617.643	32.617.236.983
Doanh thu cho thuê nhà nghỉ	5.416.340	4.970.000
Điều chỉnh giảm doanh thu		
Doanh thu thuần	40.360.033.983	32.622.206.983

6.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của các dịch vụ đã cung cấp

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	77.758.247	283.076.453
Cổ tức, lợi nhuận được chia	486.573.600	67.500.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác		2.044.324.679
Tổng cộng	564.331.847	2.394.901.132

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

Là chi phí lãi tiền vay ngân hàng và trích dự phòng Đầu tư tài chính.

6.5. Thuế TNDN phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.119.951.818	8.359.018.600
Thu nhập không chịu thuế	(486.573.600)	(67.500.000)
Tổng thu nhập tính thuế	4.633.378.218	8.291.518.600
Thuế TNDN năm 2009	7.980.000	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.166.324.554	2.072.879.650
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.953.627.264	6.286.138.950

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí thuế TNDN hiện hành năm được xác định như sau:

	Thu nhập tính thuế	Thuế suất	Thuế TNDN
Thu nhập từ cổ tức, lãi trái phiếu	486.573.600	-	
Thu nhập XD hệ thống cấp thoát nước, giao thông và dịch vụ khác	4.633.378.218	25%	4.633.378.218
Chi phí thuế TNDN hiện hành Quý 1/2011	4.633.378.218		1.158.344.544
-Thuế TNDN Năm 2009			7.980.000
-Chi phí Thuế TNDN hiện hành			<u>1.166.324.554</u>

7. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Quý này năm nay	Quý này năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	38.100.000	65.250.000
Lương Giám đốc	60.000.000	130.000.000
Tổng cộng	98.100.000	195.250.000

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc quý 1 năm 2011 đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho Quý 1 năm 2011 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 22 tháng 04 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HÀU VĂN TUẤN

Đà Lạt, ngày 22 tháng 04 năm 2011



GIÁM ĐỐC

LÊ ĐÌNH HIỀN